ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40 /2026/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 02 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 147/2026/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 510/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định trình tự, thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu Phú Quý (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Thuế tỉnh Lâm Đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết, tạo thuận lợi cho người sử dụng đất.

3. Bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Điều 3. Quy định chung

1. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; không tính thời gian đối với các trường hợp sau:

a) Thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; bàn giao đất; ký hợp đồng thuê đất.

b) Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

c) Thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật.

d) Thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

đ) Thời gian thực hiện trích đo thửa đất.

e) Thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

g) Thời gian ban hành Quyết định công bố danh sách các giấy chứng nhận đã cấp, thời gian đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư.

2. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng loại thủ tục quy định tại các Phụ lục II, III và IV ban hành kèm theo Quyết định này được tăng thêm 10 ngày làm việc.

3. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Quyết định này chịu trách nhiệm giải quyết không quá thời gian quy định do cơ quan mình thực hiện, không chịu trách nhiệm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan khác.

4. Thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất không quá tổng thời gian thực hiện từng thủ tục đó.

5. Trường hợp chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản có nhu cầu thực hiện nộp cùng lúc nhiều hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thời gian giải quyết thủ tục hành chính không lớn hơn tổng thời gian giải quyết đối với từng thủ tục cho từng hồ sơ quy định tại các Phụ lục II, III và IV ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Về phí, lệ phí: các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì người sử dụng đất đề nghị giải quyết thủ tục hành chính phải nộp phí, lệ phí cho tổ chức thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai được thực hiện theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này

1. Phụ lục I: trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Phụ lục II: trình tự, thủ tục giao đất; cho thuê đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất; điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Phụ lục III: trình tự, thủ tục nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; gia hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án; thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất; sử dụng đất đa mục đích; góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai.

4. Phụ lục IV: trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

5. Phụ lục V: thành phần hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất.

6. Phụ lục VI: biểu mẫu kèm theo.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hồ sơ nộp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền tiếp tục giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người sử dụng đất theo trình tự, thủ tục trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành cho đến khi có kết quả cuối cùng.

2. Trường hợp người sử dụng đất đã nộp hồ sơ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục hành chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực. Trường hợp người sử dụng đất đề nghị thực hiện theo quy định của Quyết định này thì người sử dụng đất rút hồ sơ và nộp tại cơ quan có thẩm quyền để giải quyết hồ sơ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quyết định và đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và gửi để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh.

c) Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện triển khai Quyết định này theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định này đến các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai tại địa phương.

b) Trong quá trình triển khai có vướng mắc thì kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo, xử lý theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 7;
- Báo và PT-TH Lâm Đồng;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị (VP UBND tỉnh);
- Trung tâm lưu trữ và dịch vụ việc làm tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên